

Số: 26 /2024/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28
tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XVII quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo
vệ an ninh, trật tự, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế
độ chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 3393/TTr-CAT-PV01
ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Văn bản số 3828/BC-CAT-PV01 ngày 08 tháng 8
năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo
vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

- Thành phố Thái Bình : 115 Tổ, 421 thành viên;
- Huyện Đông Hưng : 132 Tổ, 415 thành viên;
- Huyện Hưng Hà : 140 Tổ, 450 thành viên;
- Huyện Kiến Xương : 125 Tổ, 395 thành viên;
- Huyện Quỳnh Phụ : 136 Tổ, 427 thành viên;
- Huyện Thái Thụy : 134 Tổ, 429 thành viên;
- Huyện Tiền Hải : 106 Tổ, 340 thành viên;
- Huyện Vũ Thư : 119 Tổ, 374 thành viên.

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ Điều 1 của Quyết định này, ban hành quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; quyết định công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu do yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự hoặc thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) ban hành quyết định điều chỉnh số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

2. Quyết định này bãi bỏ: Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tổ chức Bảo vệ dân phố và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn; Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định cơ cấu tổ chức, chế độ chính sách đối với Công an xã theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ; Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 tháng 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc quy định cơ cấu tổ chức, chế độ chính sách đối với Công an xã theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng



Phụ lục 1

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Thái Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Phường Bồ Xuyên	15			6	24	1	4
2.	Phường Đề Thám	11			4	16	1	4
3.	Phường Hoàng Diệu	13	1	4	6	24		
4.	Phường Kỳ Bá	22			11	44		
5.	Phường Lê Hồng Phong	7			2	8	1	4
6.	Phường Phú Khánh	9			3	12	1	4
7.	Phường Quang Trung	19	1	4	9	36		
8.	Phường Tiên Phong	17			7	28	1	4
9.	Phường Trần Hưng Đạo	12			6	24		
10.	Phường Trần Lãm	23	1	4	11	44		
11.	Xã Đông Hoà	7	3	9	2	6		
12.	Xã Đông Mỹ	5	3	9	1	3		
13.	Xã Đông Thọ	6			3	9		
14.	Xã Phú Xuân	10	2	6	4	12		
15.	Xã Tân Bình	5	3	9	1	3		
16.	Xã Vũ Chính	14			7	21		
17.	Xã Vũ Đông	8	1	3	2	6	1	4
18.	Xã Vũ Lạc	7	4	12			1	4
19.	Xã Vũ Phúc	8	1	3	2	6	1	4



Phụ lục 2

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Hưng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Đông Hưng	5			1	4	1	4
2.	Xã An Châu	3	3	9				
3.	Xã Chương Dương	5			1	3	1	4
4.	Xã Đô Lương	6			3	9		
5.	Xã Đông Á	7			2	6	1	
6.	Xã Đông Các	6	2	6	2	6		
7.	Xã Đông Cường	6	2	6	2	6		
8.	Xã Đông Động	8			4	12		
9.	Xã Đông Dương	4			2	6		
10.	Xã Đông Hoàng	5	1	3	2	6		
11.	Xã Đông Hợp	4			1	3	1	4
12.	Xã Đông Kinh	4	2	6			1	4
13.	Xã Đông La	7	4	12			1	4
14.	Xã Đông Phương	7	1	3	3	9		
15.	Xã Đông Quan	12			6	18		
16.	Xã Đông Quang	6	2	6	2	6		
17.	Xã Đông Sơn	5	5	15				
18.	Xã Đông Tân	4	2	6			1	4



19.	Xã Đông Vinh	9			3	9	1	4
20.	Xã Đông Xá	4	2	6	1	3		
21.	Xã Đông Xuân	4	2	6			1	4
22.	Xã Hà Giang	11			4	12	1	4
23.	Xã Hồng Bạch	9			3	9	1	4
24.	Xã Hồng Giang	7			2	6	1	4
25.	Xã Hồng Việt	6			3	9		
26.	Xã Hợp Tiến	5			1	3	1	4
27.	Xã Liên Giang	5	3	9	1	3		
28.	Xã Liên Hoa	9			3	9	1	4
29.	Xã Lô Giang	4	2	6	1	3		
30.	Xã Mê Linh	7	1	3	3	9		
31.	Xã Minh Phú	8	3	9	1	3	1	4
32.	Xã Minh Tân	5	1	3	2	6		
33.	Xã Nguyên Xá	8			4	12		
34.	Xã Phong Châu	4	2	6			1	4
35.	Xã Phú Châu	4	2	6			1	4
36.	Xã Phú Lương	5	3	9	1	3		
37.	Xã Thăng Long	4	1	3			1	4
38.	Xã Trọng Quan	7	1	3	3	9		





Phụ lục 3

Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hưng Hà

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Hưng Hà	10			5	20		
2.	Thị trấn Hưng Nhân	14	1	4	5	20	1	4
3.	Xã Bắc Sơn	5	2	6			1	4
4.	Xã Canh Tân	6			3	9		
5.	Xã Chí Hòa	6	2	6	2	6		
6.	Xã Chi Lăng	7			2	6	1	4
7.	Xã Cộng Hòa	11			4	12	1	4
8.	Xã Dân Chủ	7			2	6	1	
9.	Xã Diệp Nông	11	2	6	3	9	1	
10.	Xã Đoàn Hùng	5	3	9	1	3		
11.	Xã Độc Lập	6	1	3	1	3	1	4
12.	Xã Đông Đô	5	3	9			1	4
13.	Xã Duyên Hải	8	3	9	1	3	1	4
14.	Xã Hòa Bình	4			2	6		
15.	Xã Hòa Tiến	12	2	6	5	15		
16.	Xã Hồng An	9			3	9	1	4
17.	Xã Hồng Lĩnh	5			1	3	1	4
18.	Xã Hồng Minh	10	1	3	3	9	1	4



19.	Xã Hùng Dũng	4	2	6			1	4
20.	Xã Kim Trung	7	3	9	2	6		
21.	Xã Liên Hiệp	6	1	3	1	3	1	4
22.	Xã Minh Hòa	6	2	6	2	6		
23.	Xã Minh Khai	6	1	3	1	3	1	4
24.	Xã Minh Tân	6	1	3	1	3	1	4
25.	Xã Phúc Khánh	6			3	9		
26.	Xã Tân Hòa	6	2	6	2	6		
27.	Xã Tân Lễ	10	4	12	3	9		
28.	Xã Tân Tiến	3	3	9				
29.	Xã Tây Đô	8			4	12		
30.	Xã Thái Hưng	6			3	9		
31.	Xã Thái Phương	8	2	6	2	6	1	4
32.	Xã Thống Nhất	9			3	9	1	4
33.	Xã Tiên Đức	8	2	6	3	9		
34.	Xã Văn Cầm	5	1	3	2	6		
35.	Xã Văn Lang	6	1	3	1	3	1	4





Phụ lục 4

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Kiên Xương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Kiên Xương	16	1	4	6	24	1	4
2.	Xã An Bình	4			2	6		
3.	Xã Bình Định	8	2	6	3	9		
4.	Xã Bình Minh	7	1	3	3	9		
5.	Xã Bình Nguyên	4	4	12				
6.	Xã Bình Thanh	4	2	6	1	3		
7.	Xã Đình Phùng	5			1	3	1	4
8.	Xã Hòa Bình	7			2	6	1	4
9.	Xã Hồng Thái	8			4	12		
10.	Xã Hồng Tiến	6			3	9		
11.	Xã Lê Lợi	11	1	3	5	15		
12.	Xã Minh Quang	10	2	6	4	12		
13.	Xã Minh Tân	6	1	3	1	3	1	4
14.	Xã Nam Bình	6	2	6	2	6		
15.	Xã Nam Cao	10			5	15		
16.	Xã Quang Bình	9	2	6	2	6	1	4
17.	Xã Quang Lịch	5	1	3	2	6		
18.	Xã Quang Minh	5	2	6			1	4



19.	Xã Quang Trung	5	3	9			1	4
20.	Xã Quốc Tuấn	7			2	6	1	4
21.	Xã Tây Sơn	13	1	3	6	18		
22.	Xã Thanh Tân	6			3	9		
23.	Xã Thượng Hiền	4	2	6			1	4
24.	Xã Trà Giang	8			4	12		
25.	Xã Vũ An	5			1	3	1	4
26.	Xã Vũ Bình	6			3	9		
27.	Xã Vũ Công	5			1	3	1	4
28.	Xã Vũ Hòa	5	1	3	2	6		
29.	Xã Vũ Lễ	5	2	6			1	4
30.	Xã Vũ Ninh	10			5	15		
31.	Xã Vũ Quý	5			1	3	1	4
32.	Xã Vũ Thắng	8			4	12		
33.	Xã Vũ Trung	8			4	12		



Phụ lục 5

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Quỳnh Côi	6			3	12		
2.	Thị trấn An Bài	12			6	24		
3.	Xã An Ấp	5			1	3	1	4
4.	Xã An Cầu	4	2	6	1	3		
5.	Xã An Đông	6			3	9		
6.	Xã An Dục	5			1	3	1	4
7.	Xã An Hiệp	8			4	12		
8.	Xã An Khê	8	1	3	2	6	1	4
9.	Xã An Lễ	4	2	6			1	4
10.	Xã An Mỹ	6	4	12	1	3		
11.	Xã An Ninh	8			4	12		
12.	Xã An Quý	4	2	6	1	3		
13.	Xã An Thái	5	1	3	2	6		
14.	Xã An Thanh	4	2	6	1	3		
15.	Xã An Tràng	4	2	6	1	3		
16.	Xã An Vinh	8			4	12		
17.	Xã An Vũ	3	3	9				
18.	Xã Châu Sơn	9	3	9	3	9		



19.	Xã Đông Hải	8	2	6	3	9		
20.	Xã Đông Tiến	7	5	15	1	3		
21.	Xã Quỳnh Bảo	4	1	3			1	4
22.	Xã Quỳnh Giao	5	2	6			1	4
23.	Xã Quỳnh Hải	7	1	3	3	9		
24.	Xã Quỳnh Hoa	9	1	3	4	12		
25.	Xã Quỳnh Hoàng	12			6	18		
26.	Xã Quỳnh Hội	5	3	9	1	3		
27.	Xã Quỳnh Hồng	10	2	6	4	12		
28.	Xã Quỳnh Hưng	4	2	6	1	3		
29.	Xã Quỳnh Khê	4			2	6		
30.	Xã Quỳnh Lâm	4	1	3			1	4
31.	Xã Quỳnh Minh	7			2	6	1	4
32.	Xã Quỳnh Mỹ	6			3	9		
33.	Xã Quỳnh Ngọc	10	1	3	3	9	1	4
34.	Xã Quỳnh Nguyên	5	3	9	1	3		
35.	Xã Quỳnh Thọ	7			2	6	1	4
36.	Xã Quỳnh Trang	3	3	9				
37.	Xã Quỳnh Xá	6			3	9		



Phụ lục 6

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thái Thụy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Diêm Điền	17	2	8	6	24	1	4
2.	Xã An Tân	9			3	9	1	4
3.	Xã Dương Hồng Thủy	10	1	3	3	9	1	4
4.	Xã Dương Phúc	9	1	3	4	12		
5.	Xã Hòa An	11			4	12	1	4
6.	Xã Hồng Dũng	10	1	3	3	9	1	4
7.	Xã Mỹ Lộc	7			2	6	1	4
8.	Xã Sơn Hà	10	2	6	4	12		
9.	Xã Tân Học	6			3	9		
10.	Xã Thái Đô	6			3	9		
11.	Xã Thái Giang	9			3	9	1	4
12.	Xã Thái Hưng	6	1	3	1	3	1	4
13.	Xã Thái Nguyên	5	1	3	1	3	1	4
14.	Xã Thái Phúc	7	1	3	3	9		
15.	Xã Thái Thịnh	6			3	9		
16.	Xã Thái Thọ	5	2	6			1	4
17.	Xã Thái Thượng	8			4	12		
18.	Xã Thái Xuyên	4			2	6		



19.	Xã Thuận Thành	9			3	9	1	4
20.	Xã Thụy Bình	3	1	3			1	4
21.	Xã Thụy Chính	3	1	3	1	3		
22.	Xã Thụy Dân	5			1	3	1	4
23.	Xã Thụy Duyên	4			2	6		
24.	Xã Thụy Hải	3	1	3			1	4
25.	Xã Thụy Hưng	5			1	3	1	4
26.	Xã Thụy Liên	9	2	6	2	6	1	4
27.	Xã Thụy Ninh	6	2	6	2	6		
28.	Xã Thụy Phong	10	1	3	3	9	1	4
29.	Xã Thụy Quỳnh	6	2	6	2	6		
30.	Xã Thụy Sơn	7	3	9	2	6		
31.	Xã Thụy Thanh	4	2	6	1	3		
32.	Xã Thụy Trình	6	1	3	1	3	1	4
33.	Xã Thụy Trường	9	1	3	4	12		
34.	Xã Thụy Văn	7			2	6	1	4
35.	Xã Thụy Việt	5	1	3	2	6		
36.	Xã Thụy Xuân	8			4	12		





Phụ lục 7

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tiên Hải

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Tiên Hải	14			7	28		
2.	Xã An Ninh	5	2	6			1	4
3.	Xã Bắc Hải	7	1	3	3	9		
4.	Xã Đông Cơ	4	2	6	1	3		
5.	Xã Đông Hoàng	7			2	6	1	4
6.	Xã Đông Lâm	4	2	6	1	3		
7.	Xã Đông Long	3	3	9				
8.	Xã Đông Minh	5	5	15				
9.	Xã Đông Phong	4	2	6	1	3		
10.	Xã Đông Quý	5	2	6			1	4
11.	Xã Đông Trà	5	2	6			1	4
12.	Xã Đông Trung	4	2	6	1	3		
13.	Xã Đông Xuyên	4	2	6	1	3		
14.	Xã Nam Chính	5	1	3	2	6		
15.	Xã Nam Cường	3					1	4
16.	Xã Nam Hà	4	2	6			1	4
17.	Xã Nam Hải	9	1	3	4	12		
18.	Xã Nam Hồng	7	2	6	1	3	1	4



19.	Xã Nam Hưng	3	3	9				
20.	Xã Nam Phú	4	1	3			1	4
21.	Xã Nam Thanh	5	1	3	2	6		
22.	Xã Nam Thắng	8			4	12		
23.	Xã Nam Thịnh	5	2	6			1	4
24.	Xã Nam Trung	10	1	3	3	9	1	4
25.	Xã Phương Công	5	2	6			1	4
26.	Xã Tây Giang	5	2	6			1	4
27.	Xã Tây Lương	5	3	9	1	3		
28.	Xã Tây Ninh	4	2	6			1	4
29.	Xã Tây Phong	4			2	6		
30.	Xã Tây Tiến	4	2	6	1	3		
31.	Xã Vân Trường	7	2	6	1	3	1	4
32.	Xã Vũ Lăng	5			1	3	1	4





Phụ lục 8

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vũ Thư

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên phường, xã	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Vũ Thư	5			1	4	1	4
2.	Xã Bách Thuận	9	1	3	4	12		
3.	Xã Đồng Thanh	7			2	6	1	4
4.	Xã Dũng Nghĩa	4	1	3			1	4
5.	Xã Duy Nhất	10	1	3	3	9	1	4
6.	Xã Hiệp Hòa	3	1	3			1	4
7.	Xã Hòa Bình	9			3	9	1	4
8.	Xã Hồng Lý	6			3	9		
9.	Xã Hồng Phong	9			3	9	1	4
10.	Xã Minh Khai	5	3	9			1	4
11.	Xã Minh Lãng	7	5	15			1	4
12.	Xã Minh Quang	5	3	9	1	3		
13.	Xã Nguyên Xá	4	2	6	1	3		
14.	Xã Phúc Thành	8			4	12		
15.	Xã Song An	8	1	3	2	6	1	4



16.	Xã Song Lãng	7	2	3	1	3	1	4
17.	Xã Tam Quang	5	1	3	2	6		
18.	Xã Tân Hòa	6	2	6	2	6		
19.	Xã Tân Lập	6	3	9			1	4
20.	Xã Tân Phong	7	4	12			1	4
21.	Xã Trung An	4	2	6			1	4
22.	Xã Tự Tân	9			3	9	1	4
23.	Xã Việt Hùng	7	5	15			1	4
24.	Xã Việt Thuận	9	1	3	4	12		
25.	Xã Vũ Đoài	11			4	12	1	4
26.	Xã Vũ Hội	9	2	6	2	6	1	4
27.	Xã Vũ Tiến	11	1	3	5	15		
28.	Xã Vũ Vân	6	1	3	1	3	1	4
29.	Xã Vũ Vinh	5	1	3	2	6		
30.	Xã Xuân Hòa	8			4	12		

